

HỒ SƠ MỜI THẦU

MUA SẴM HÀNG HÓA QUA MẠNG MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

(Mẫu số 4A- Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên
Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT
trên Hệ thống):

Cung cấp vòng bi và phụ kiện hãng
SKF cho máy xeo giấy

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung
E-TBMT trên Hệ thống):

Cung cấp vòng bi và phụ kiện hãng
SKF cho máy xeo giấy

Phát hành ngày (theo nội dung E-
TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định số:
(theo nội dung E-TBMT trên Hệ
thống):

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

PHẦN 1: THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

(Theo mẫu trên hệ thống đấu thầu quốc gia, chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này)

Chương II. Bản dữ liệu đấu thầu

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Tổng công ty Giấy Việt Nam – Công ty TNHH
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Cung cấp vòng bi và phụ kiện hãng SKF cho máy xeo giấy Số lượng gói thầu: 01
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với Tổng công ty Giấy Việt Nam– địa chỉ: Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn lập thiết kế : Không+ Tư vấn thẩm định giá: Không+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không+ Tư vấn lập E-HSMT: Không+ Tư vấn thẩm định E-HSMT: Không+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.- Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật.- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p>

¹ Chi đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 5.4	“Không áp dụng” việc mua hàng hóa từ nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ theo yêu cầu tại Mục 1 Chương III - Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm nhà thầu theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III
E-CDNT 12.1	Nhà thầu: Không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế
E-CDNT 13.5	Chào giá: Theo Mẫu số 12.1A Chương IV
E-CDNT 15.10	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa: Không áp dụng.
E-CDNT 16.2	Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Không yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 13.500.000 đồng Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày kể từ thời điểm đóng thầu
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 10 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt

E-CDNT 18.9	Bảo đảm dự thầu: Có áp dụng
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: Không áp dụng
E-CDNT 28.4	Cách tính ưu đãi: Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất
E-CDNT 29.3(d)	Cách thức thực hiện: Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)
E-CDNT 29.3(đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%. Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng
E-CDNT 38.2	<p>- Người có thẩm quyền: Ông Cao Văn Sơn- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam</p> <p>- Địa chỉ: Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Điện thoại: 0210 3829755, Fax: 0210 3828177. Email: vattunguyenlieu@gmail.com</p> <p>Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Không áp dụng</p>
E-CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không áp dụng.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn *50 triệu đồng*, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm²

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

¹ *Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà chủ đầu tư, bên mời thầu có thể lựa chọn để đưa ra tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm cho phù hợp. Đối với gói thầu có tính chất đơn giản có thể không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của khoản này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT).*

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.725.000.000 ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng dương với phần	Mẫu số 05A

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính chất tương tự: Cung cấp vòng bi công nghiệp⁽¹⁰⁾; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 632.000.000 VND⁽¹¹⁾ 			công việc đảm nhận)	
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹²⁾	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính⁽⁵⁾					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁶⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁸⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	VAT) ⁽⁷⁾	thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.725.000.000 ⁽⁹⁾ VND.				
4	Năng lực sản xuất hàng hoá⁽¹⁰⁾	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: Không yêu cầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B
5	Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹¹⁾	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, tiến độ cung cấp, thời gian bảo hành hàng hoá của nhà thầu.

Nhà thầu phải cung cấp đủ thông tin để đánh giá sự đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ của hàng hoá theo quy định tại Chương V (Chương V- Yêu cầu kỹ thuật). Thông tin hàng hoá do nhà thầu cung cấp được đánh giá đáp ứng các yêu cầu theo yêu cầu quy định tại Chương V thì mới được đánh giá bước tiếp theo. Trường hợp nhà thầu không cung cấp thông tin hoặc thông tin cung cấp không đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Chương V thì sẽ không được đánh giá bước tiếp theo.

Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalog khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V. Trường hợp hàng hóa tương đương được đánh giá đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật và chất lượng thì mới được đánh giá bước tiếp theo.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Nội dung đánh giá		Mức độ đánh giá
1	Khả năng cung cấp hàng hoá	Cung cấp đầy đủ hàng hoá nêu tại Mẫu số 01A- Phạm vi cung cấp hàng hoá	Đạt
		Không cung cấp đầy đủ hàng hoá nêu tại Mẫu số 01A- Phạm vi cung cấp hàng hoá	Không đạt
2	Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của hàng hoá nêu tại Khoản 1.2, Mục 1, Chương V của E-HSMT	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của hàng hoá nêu tại Khoản 1.2, Mục 1, Chương V của E-HSMT	Không đạt
3	Tiến độ cung cấp hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu về thời gian giao hàng nêu tại Mẫu số 01A (<i>webform trên Hệ thống</i>) và tại Khoản 1.3, Mục 1, Chương V của E-HSMT	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu về thời gian giao hàng nêu tại Mẫu số 01A (<i>webform trên Hệ thống</i>) và tại Khoản 1.3, Mục 1, Chương V của E-HSMT	Không đạt
4	Yêu cầu về bảo hành	Đáp ứng yêu cầu về bảo hành của hàng hoá nêu tại Khoản 1.3, Mục 1, Chương V của E-HSMT	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu về bảo hành của hàng hoá nêu tại Khoản 1.3, Mục 1, Chương V của E-HSMT	Không đạt
	Kết luận	Đạt tất cả các nội dung nêu trên	Đạt

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá
	Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (Không có)

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (Không có)

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

TT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)	Webform	X	
2	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
3	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với trường hợp nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
4	Mẫu số 02B. Văn bản thỏa thuận (đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
5	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
6	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
7	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
8	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Webform		X
9	Mẫu số 05B. kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
10	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X

11	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
12	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
13	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
14	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
15	Mẫu số 11.1. Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)			X
16	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
17	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X
18	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
19	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

(áp dụng cho loại hợp đồng trọn gói)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽²⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽³⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất
1	Vòng bi (Roller Bearing)	Cái	11	Theo quy định tại Chương V	EU	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	≤30 ngày	60 ngày
2	Vòng bi (Roller Bearing)	Cái	18	Theo quy định tại Chương V	EU	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	≤30 ngày	60 ngày
3	Vòng đệm khoá (Locking Washer)	Cái	5	Theo quy định tại Chương V	EU	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	≤30 ngày	60 ngày
4	Vòng đệm khoá (Locking Washer)	Cái	14	Theo quy định tại Chương V	EU	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	≤30 ngày	60 ngày
5	Đai ốc khoá (Locking Nut)	Cái	5	Theo quy định tại Chương V	EU	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	≤30 ngày	60 ngày
6	Đai ốc khoá (Locking Nut)	Cái	18	Theo quy định tại Chương V	EU	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	≤30 ngày	60 ngày
7	Vòng bi (Roller bearing)	Cái	18	Theo quy định tại Chương V	EU	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	≤30 ngày	60 ngày

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(2) Áp dụng trong các trường hợp: Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại

(3) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

Phần 2: YÊU CẦU KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu kỹ thuật

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp vòng bi và phụ kiện hãng SKF cho máy xeo giấy
- Quy mô gói thầu: 1.262.571.840 đồng
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Địa điểm cung cấp: Tổng công ty Giấy Việt Nam- Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Đối với hàng hoá chào thầu là hàng hoá nhập khẩu: Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận CO/CQ của nhà sản xuất, hồ sơ nhập khẩu (bản gốc hoặc bản sao công chứng) nếu là nhà thầu trực tiếp nhập khẩu hoặc (bản sao công chứng từ bản gốc) của đơn vị nhập khẩu nếu là hàng hoá nhà thầu mua thông qua các đại lý.

- Hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây, được đóng gói, bảo quản theo đúng quy cách và tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

b) Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết

b.1. Thông số kỹ thuật:

- Hàng hóa cung cấp phải đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật, phù hợp như mô tả tại bảng thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn hàng hoá.

- Hàng hoá phải có ký mã hiệu, nhãn mác, thông số kỹ thuật cụ thể theo quy định của nhà sản xuất.

b.2. Xuất xứ hàng hóa:

Nhà thầu phải chào hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, cụ thể trong E-HSĐT bao gồm tên hãng sản xuất, quốc gia sản xuất hàng hóa.

b.3. Tài liệu kỹ thuật:

Nhà thầu cung cấp các tài liệu kỹ thuật/catalog của Nhà sản xuất trong E-HSĐT để chứng minh chất lượng của hàng hóa, các thông số kỹ thuật phù hợp hoặc cao hơn so với yêu cầu của E-HSMT. Tài liệu kỹ thuật/catalog có thể là tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì các tài liệu/catalog nêu trên phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng dịch thuật.

Hàng hoá phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn mời thầu	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn chào thầu (bao gồm cả chủng loại, ký mã hiệu, nhãn mác hàng hóa)
1	Vòng bi (Roller Bearing)	23040 CCK/C3/W33, Thông số kỹ thuật hãng SKF hoặc tương đương Xuất xứ: EU	
2	Vòng bi (Roller Bearing)	23044 CCK/C3/W33, Thông số kỹ thuật hãng SKF hoặc tương đương Xuất xứ: EU	
3	Vòng đệm khoá (Locking Washer)	MB 44, Thông số kỹ thuật hãng SKF hoặc tương đương Xuất xứ: EU	
4	Vòng đệm khoá (Locking Washer)	MB40, Thông số kỹ thuật hãng SKF hoặc tương đương Xuất xứ: EU	
5	Đai ốc khoá (Locking Nut)	KM 40, Thông số kỹ thuật hãng SKF hoặc tương đương Xuất xứ: EU	
6	Đai ốc khoá (Locking Nut)	(KM 44) HM 44T, Thông số kỹ thuật hãng SKF hoặc tương đương Xuất xứ: EU	
7	Vòng bi (Roller bearing)	24030 CCK/C3/W33, Thông số kỹ thuật hãng SKF hoặc tương đương Xuất xứ: EU	

Nhà thầu chịu trách nhiệm lập và hoàn thiện biểu trên trong E-HSDT để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu của HSMT.

1.3. Các yêu cầu khác

- Trong thời gian mời thầu, Nhà thầu có thể khảo sát hệ thống thiết bị tại dây chuyền sản xuất của Chủ đầu tư (nếu cần thiết) để đảm bảo hàng hóa cung cấp có thể lắp đặt được vào vị trí thực tế và hoạt động đồng bộ với hệ thống thiết bị đang sử dụng.

- Hàng hóa được bảo hành tại nơi sử dụng của Chủ đầu tư theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất trong thời gian tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

- Trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm đưa ra đề xuất khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh chậm nhất 03 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư. Trong trường hợp sau 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư (qua điện thoại, zalo, email, văn bản...) về việc bảo hành hàng hóa, Nhà thầu không tới thực hiện việc bảo hành thì Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện hoặc thuê bên thứ 3, khi đó mọi chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Chủ đầu tư sẽ trích khoản tiền từ bảo hành của Nhà thầu. Nếu chi phí bảo hành do Chủ đầu tư thực hiện vượt quá giá trị bảo hành thì Nhà

thầu phải trả nốt phần thiết hụt cho Chủ đầu tư.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Địa điểm: Tại kho của Chủ đầu tư, địa chỉ: Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Kiểm tra và thử nghiệm:

+ Kiểm tra các yêu cầu về kỹ thuật chung theo Điểm a Khoản 1.2 Mục 1 trong chương này.

+ Kiểm tra đúng số lượng, hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

+ Kiểm tra về kích thước sản phẩm.

+ Kiểm tra thông số kỹ thuật khác của hàng hóa như quy định trong hợp đồng.

Việc kiểm tra hàng hóa khi giao hàng phải có nhân sự của Nhà sản xuất/Đại diện ủy quyền của Nhà sản xuất hàng hóa tham gia chứng kiến (do Nhà thầu chịu trách nhiệm mời và chịu mọi chi phí có liên quan) để hỗ trợ Chủ đầu tư kiểm tra, đánh giá chất lượng hàng hóa.

Trong trường hợp có nghi ngờ về chất lượng của hàng hóa chủ đầu tư có thể lấy mẫu để thử nghiệm. Đơn vị thử nghiệm là bên thứ ba có đủ chức năng thực hiện thử nghiệm. Kết quả thử nghiệm của bên thứ ba là căn cứ nghiệm thu kỹ thuật. Nếu kết quả thử nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật thì nhà thầu phải trả chi phí thử nghiệm cho hàng hóa đó và chủ đầu tư từ chối nhận hàng, trường hợp chủ đầu tư đã nhận hàng thì nhà thầu phải thay bằng hàng hóa khác đạt yêu cầu chất lượng.

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Theo mẫu trên hệ thống đấu thầu quốc gia

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tổng công ty Giấy Việt Nam Địa chỉ: Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ Điện thoại: 0210 3829755/ Fax: 0210 3829177 Mã số thuế: 2600357502 Số tài khoản: 119 0000 12357- Ngân hàng VietinBank- Chi nhánh Bắc Phú Thọ
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: - Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; - Biên bản hoàn thiện hợp đồng; - Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu; - E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: Phòng Vật tư nguyên liệu-Tổng công ty Giấy Việt Nam - Địa chỉ: Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ Điện thoại: 0210 3829755
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>5% giá trị hợp đồng</i> - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định</i>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Trong vòng 10 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng</i></p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: <i>Không áp dụng</i></p>
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày</p> <p>Giải quyết tranh chấp: <i>Nếu xảy ra tranh chấp về quyền lợi và nghĩa vụ mà hai bên không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết theo luật định, bên nào sai sẽ phải thanh toán toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp</i></p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoá đơn giá trị gia tăng, - Giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (đối với hàng hoá nhập khẩu) và hồ sơ nhập khẩu (bản gốc hoặc bản sao công chứng) nếu là nhà thầu trực tiếp nhập khẩu hoặc (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu nếu là hàng hoá nhà thầu mua thông qua các đại lý. <p>Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan</p>
E-ĐKC 11.1	<p>Loại hợp đồng: <i>Trọn gói</i></p>
E-ĐKC 11.2	<p>Giá hợp đồng: <i>Cố định</i></p>
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: <i>Được phép. “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”.</i></p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng: <i>Không tạm ứng.</i></p>

E-ĐKC 14.2	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển khoản qua ngân hàng - Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày từ ngày Nhà thầu giao hàng và hoàn thiện thủ tục thanh toán. - Hồ sơ thanh toán gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Hoá đơn giá trị gia tăng, + Giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (đối với hàng hoá nhập khẩu) và hồ sơ nhập khẩu (bản gốc hoặc bản sao công chứng) nếu là nhà thầu trực tiếp nhập khẩu hoặc (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu nếu là hàng hoá nhà thầu mua thông qua các đại lý. + Biên bản kiểm tra, giao nhận hàng nhập kho (do Chủ đầu tư lập) + Phiếu nhập kho (do Chủ đầu tư lập)
E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: <i>Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất</i>
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: <i>Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng</i>
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p><i>Kiểm tra hàng hoá khi hàng đến tại kho của Chủ đầu tư, nếu hàng hoá không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng mà không phải chịu bất kỳ chi phí nào. Hàng hoá cần thử nghiệm sẽ thống nhất trong hợp đồng, nếu hàng hoá không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng mà không phải chịu bất kỳ chi phí nào.</i></p>
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: <i>Tổng công ty Giấy Việt Nam- Xã Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ</i>
E-ĐKC 22	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: <i>Áp dụng.</i></p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với <i>1,0%/tuần giá trị phần hàng hóa giao chậm cho đến khi hàng hoá đó được giao. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8,0 % giá trị phần hàng hóa giao chậm . Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</i></p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: <i>Có áp dụng.</i></p> <p><i>Mức bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế</i></p>

E-ĐKC 23.3	Thời hạn bảo hành là: 12 tháng kể từ ngày giao hàng đối với từng hàng hoá không đạt yêu cầu hoặc do lỗi của nhà sản xuất. Địa điểm áp dụng bảo hành: Xã Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 03 ngày phải đưa ra đề xuất xử lý kể từ ngày chủ đầu tư thông báo lỗi của hàng hoá trong thời gian bảo hành cho nhà thầu.
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 16

THƯ CHẤP THUẬN E-HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];
- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm ____ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKC của E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực

hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ___ tháng ___ năm ⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

Mẫu số 17. Biểu mẫu hợp đồng

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /HĐ-GVN-VTNL.PT

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;
- Căn cứ Quyết định số /QĐ-GVN. ngày tháng năm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu... của Tổng Công ty Giấy Việt Nam;

Hôm nay, ngày tháng năm chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN MUA: TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM (gọi tắt là bên A)

Địa chỉ : Xã Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại : 0210 3829755; Fax: 0210 3829177

Tài khoản : 119 0000 12357- tại Ngân hàng VietinBank- Chi nhánh Bắc Phú Thọ.

Mã số thuế : 2600357502.

Đại diện là: - Chức vụ:

BÊN BÁN: CÔNG TY ... (gọi tắt là bên B)

Địa chỉ: .

Mã số thuế:

Tài khoản :

Đại diện là : Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Bên A mua của bên B các loại hàng hoá sau:

Số TT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
-------	----------------------	-----	----------	---------------	------------------

Cộng:					
Thuế giá trị gia tăng					
Tổng cộng:					
Bằng chữ:					

Điều 2. Chất lượng hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật, bảo hành

- Theo quy định tại Chương V. YÊU CẦU KỸ THUẬT

Điều 3. Thời gian giao hàng; bảo lãnh, tạm ứng thực hiện hợp đồng

- Theo quy định tại Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 4. Trách nhiệm mỗi bên

- Theo quy định tại Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 5. Phương thức và thời gian thanh toán

- Theo quy định tại Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 6. Phạt vi phạm hợp đồng

- Theo quy định tại Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 7. Trường hợp bất khả kháng

- Theo quy định tại Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 8. Cam kết chung

- Theo quy định tại Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ . Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và hai bên hoàn tất nghĩa vụ của mình, nếu hai bên không có gì vướng mắc thì hợp đồng coi như đã được thanh lý trừ điều khoản bảo hành.

- Hợp đồng này được lập thành 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
BÊN BÁN**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
BÊN MUA**

Mẫu số 18

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số _____ [*ghi số hợp đồng*] ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)
[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.